

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE**

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/3/2024.

V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 465/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số G, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Kim T1, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 14/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T trình bày: Chị T và anh T1 do tự tìm hiểu quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2016, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B vào ngày 29/4/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc khoảng thời gian đầu nhưng thời gian sau đó đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn mất hạnh phúc do vợ chồng thường xuyên bất hòa, không có tiếng nói chung; chị và anh T1 đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Nay do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T1

để mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung: thời gian sống chung, chị và anh T1 không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Dương Kim T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Dương Kim T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Minh T và anh Dương Kim T1 trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B vào ngày 29/4/2016. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh T1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 có thời gian sống hạnh phúc nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do vợ chồng thường xuyên bất hòa, không có tiếng nói chung; chị và anh T1 đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời chị T và anh T1 đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh T1 là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T1 cũng không có văn bản trình bày là anh và chị T có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T phải chịu do chị T yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T. Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Dương Kim T1 được ly hôn với nhau.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000830 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- UBND phường Phú Tân, thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt